

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17/11/2021

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tiến.

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phùng Tiến Lập.

2. Bà Nguyễn Thị Huyền Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 446/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 07 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đào Thị T, sinh năm 1970; Đăng ký nhân khẩu thường trú: Số ... Tổ 20 T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú hiện nay: PX, CT1, C14 B, phường V, quận N, Thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Ông Tô Đức H, sinh năm 1965; Đăng ký nhân khẩu thường trú: Số .. Tổ 20 T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú hiện nay: Số ..., ngõ ... N, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa có mặt bà T và ông H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/3/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Đào Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà xây dựng gia đình với ông Tô Đức H vào năm 1992 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H, Thành phố Hà Nội ngày 02/01/1992. Cả hai ông bà đều kết hôn lần đầu. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại số ..., tổ ... phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Đến đầu năm 2018 thì vợ chồng không chung sống với nhau nữa. Bà T chuyển về sinh sống tại P., CT2, C14 B, đường T, quận Nam T, Thành phố Hà Nội. Còn ông H vẫn sinh sống tại số ..., ngõ ...N, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống đến năm 2002 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách của hai người không hợp nhau, không nói chuyện được với nhau, hai vợ chồng có nhiều bất đồng trong quan điểm sống. Bản thân ông H không có trách nhiệm với vợ con dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là từ cuối năm 2017 cho đến nay. Khi mâu thuẫn xảy ra bản thân vợ chồng và gia đình hai bên đều biết và tự hòa giải nhưng không có kết quả gì. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018, mỗi người có một cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau. Nay bà xác nhận tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho bà với ông Tô Đức H để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông Tô Đức H có 02 con chung là Tô Đức H, sinh ngày 27/10/1992 và Tô Đức T, sinh ngày 14/4/1994. Hiện nay, các con sức khỏe bình thường. Ly hôn, cả 02 con chung đã thành niên nên việc ở với ai là do các con tự quyết định và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung(động sản và bất động sản): Bà xin tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà xác nhận vợ chồng không nợ ai và không có ai nợ ông bà, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Tô Đức H trình bày: Ông nhất trí với bà T trình bày về thời gian, hoàn cảnh, điều kiện kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ ông thường hay ghen tuông vô cớ và nghi ngờ ông, thậm chí đặt cả theo dõi điện thoại của ông dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung. Sau khi mâu thuẫn ông bà đã tự nói chuyện và hòa giải với nhau nhưng không có kết quả gì khiến vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Nay bà T xin ly hôn, ông không đồng ý ly hôn vì bản thân ông vẫn còn tình cảm với bà T.

Về con chung: Ông và bà Đào Thị T có 02 con chung là Tô Đức H, sinh ngày 27/10/1992 và Tô Đức T, sinh ngày 14/4/1994. Hiện nay, các con sức khỏe bình thường. Ly hôn, cả 02 con chung đã thành niên, việc ở với ai là do các con tự quyết định, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Ông đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà xác nhận vợ chồng không nợ ai và không có ai nợ ông bà, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn đối với ông H vì cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn được nữa. Bản thân hai vợ chồng cũng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, mỗi người có một cuộc sống riêng. Ông H vẫn giữ quan điểm và không đồng ý ly hôn. Nếu bà T cương quyết xin ly hôn thì ông cũng không đồng ý. Về tài sản chung, (động sản và bất động sản): Hai ông bà đề nghị tự thỏa thuận và không yêu

cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Hai ông bà xác nhận vợ chồng không nợ ai và không có ai nợ ông bà, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà là đã tuân thủ đúng theo trình tự pháp luật quy định. Đối với các đương sự chấp hành, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Đào Thị T đối với ông Tô Đức H. Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Tô Đức H, sinh ngày 27/10/1992 và Tô Đức T, sinh ngày 14/4/1994, hiện sức khỏe các anh bình thường. Ly hôn, cả 02 anh đã thành niên, việc ở với ai là do các anh tự quyết định nên không đặt ra đề giải quyết. Về tài sản chung, nhà đất ở, nợ chung các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là bà Đào Thị T có đơn xin ly hôn đối với ông Tô Đức H, cư trú tại: số ..., ngõ ... N, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị T và ông Tô Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H, Thành phố Hà Nội theo chứng nhận kết hôn số 01; Quyền số 05 ngày 02/01/1992. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về tình cảm vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn: Theo bà T thì vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách của hai người không hợp nhau, không nói chuyện được với nhau, hai vợ chồng có nhiều bất đồng trong quan điểm sống. Bản thân ông H không có trách nhiệm với vợ và các con. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là từ cuối năm 2017 cho đến nay. Khi mâu thuẫn xảy ra bản thân vợ chồng và gia đình hai bên đều biết và tự hòa giải nhưng không có kết quả gì. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018, mỗi người một cuộc sống, không quan tâm đến nhau. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị được ly hôn. Ông H cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng là do bà T ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung nên hai người sống ly thân từ năm 2018 mỗi người sống một nơi, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ ông thường hay ghen tuông vô cớ và nghi ngờ ông, thậm chí đặt cả theo dõi điện thoại của ông. Sau khi mâu thuẫn ông bà đã tự nói chuyện và hòa giải với nhau nhưng không có kết quả gì. Nay bà T xin ly hôn, ông không đồng ý ly hôn vì bản thân ông vẫn còn tình cảm với bà T. Theo tài liệu được địa phương cung cấp thì trong quá trình chung sống tại địa phương trước đây cuộc sống vợ chồng của ông bà hạnh phúc bình thường. Nhưng đến năm 2017 thì vợ chồng có phát sinh

mâu thuẫn, khiến cuộc sống không được hạnh phúc. Đến năm 2018 vợ chồng sống ly thân, mỗi người sống một nơi. Ông H sống tại số ... ngõ ... N, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội cùng với mẹ đẻ còn bà T chuyển đi nơi khác sinh sống từ năm 2018. Về nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết. Về phía gia đình cung cấp xác định hiện nay ông H bà T đang sống ly thân mỗi người ở một nơi không quan tâm gì đến nhau. Mâu thuẫn xảy ra từ rất lâu rồi, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H sống chỉ vì bản thân mình ít quan tâm đến gia đình, bà T đã phải chịu đựng nhiều năm nay. Ngoài ra tính cách của vợ chồng không hợp nhau dẫn đến mâu thuẫn kéo dài, chung sống không có hạnh phúc. Từ năm 2018 cho đến nay ông H và bà T sống ly thân mỗi người ở một nơi không quan tâm đến nhau. Về phía bà T đã cho ông H nhiều cơ hội nhưng vẫn không thay đổi về tính cách, suy nghĩ nên hai bên không có tiếng nói chung. Phía gia đình cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng khó có khả năng hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nhằm giải phóng cho các bên sớm ổn định cuộc sống.

[4] Xét mâu thuẫn của ông bà có thể cho thấy rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nhất là từ cuối năm 2017, nguyên nhân do tính cách của hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không nói chuyện được với nhau. Hai bên gia đình đã dàn xếp nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng ông bà không cải thiện được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay không quan tâm gì đến nhau. Mặc dù ông H có nguyện vọng quay về đoàn tụ, nhưng không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng khi quay về với nhau. Đặc biệt vợ chồng không có tiếng nói chung, không chia sẻ được với nhau dẫn đến phải sống ly thân mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Như vậy có thể cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được việc bà T xin ly hôn ông H là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của bà Đào Thị T đối với ông Tô Đức H.

[5] Về con chung: Bà T và ông H có 02 con chung là Tô Đức H, sinh ngày 27/10/1992 và Tô Đức T, sinh ngày 14/4/1994. Hiện nay, các anh sức khỏe bình thường. Ly hôn, cả 02 anh đã trưởng thành việc ở với ai là các anh tự quyết định, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[6] Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Hai ông bà đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[7] Về nợ chung: Hai ông bà xác nhận vợ chồng không nợ ai và không có ai nợ ông bà, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về án phí: Bà Đào Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo nghị quyết).

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đào Thị T đối với ông Tô Đức H. Bà Đào Thị T được ly hôn với ông Tô Đức H.

[2] Về con chung: Bà T và ông H có 02 con chung là Tô Đức H, sinh ngày 27/10/1992 và Tô Đức T, sinh ngày 14/4/1994. Ly hôn, cả 02 con chung đã thành niên, việc ở với ai là do các anh tự quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3] Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Hai ông bà xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] Về nợ chung: Ông bà xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Bà Đào Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai AA/2020/0011806 ngày 15/07/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

[6]. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND quận Hai Bà Trưng
- Chi cục Thi hành án dân sự Q. Hai Bà Trưng.
- UBND p.Thị Q. H.
- Các đương sự
- Lưu HS, VP.

Phạm Văn Tiến

